

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST

Ngày 29-01-2024

V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Việt Xô.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Việt Thắng.

Ông Hồ Quang Minh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Mỹ Tiên là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 723/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 436/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Võ Minh D, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm G, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Châu Cẩm L, sinh năm 2002 (có yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Khóm G, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Khóm C, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án anh Võ Minh D trình bày: Anh và chị Châu Cẩm L tự nguyện thành hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau vào năm 2020. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm, lối sống, không tự giải quyết được và tự sống riêng với nhau, do không thể hàn gắn được nên anh yêu cầu ly hôn với chị L.

Thời gian chung sống, anh và chị L có 02 con chung tên Võ Minh S, sinh ngày 12/9/2019 và Võ Minh N, sinh ngày 12/5/2021 hiện đang ở cùng chị L. Sau khi ly hôn, anh không yêu cầu nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra yêu cầu.

Bị đơn chị Châu Cẩm L trình bày: Chị và anh Võ Minh D tự nguyện thành hôn vào năm 2019 là đúng, có đăng ký kết hôn như anh D trình bày.

Do có sự bất đồng về quan điểm, lối sống và không thể tiếp tục sống chung

được nên chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh D.

Vợ chồng có 02 con chung như anh D trình bày, sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi hai con chung, yêu cầu anh D cấp dưỡng cho hai con, mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi mỗi cháu thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của anh Võ Minh D được Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Châu Cẩm L có yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị L được xác lập vào năm 2020, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập có hiệu lực nên hôn nhân được xác định là hợp pháp, nay có yêu cầu ly hôn, Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Thời gian anh D và chị L chung sống thực tế có xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là bất đồng quan điểm, lối sống, không tin tưởng lẫn nhau và không tự giải quyết được, làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Thời gian kéo dài đôi bên vẫn không tìm được biện pháp hữu hiệu để xoa dịu mâu thuẫn nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, quá trình giải quyết vụ án anh D và chị L thống nhất ly hôn. Thực tế, đã có sự vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của anh D được ly hôn với chị L là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh D và chị L có 02 con chung hiện đang ở cùng chị L, sau khi ly hôn anh D thống nhất giao con cho chị L nuôi theo yêu cầu của chị L. Như vậy, các đương sự đã thỏa thuận việc nuôi con và sự thỏa thuận của các đương sự không trái với quy định của pháp luật, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận giao con cho chị L nuôi.

Xét yêu cầu của chị L về việc cấp dưỡng cho con: Hội đồng xét xử thấy rằng Võ Minh S, sinh ngày 12/9/2019 và Võ Minh N, sinh ngày 12/5/2021 là con chung của anh D và chị L nên anh chị phải cùng có trách nhiệm, anh D không trực tiếp nuôi các con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con theo quy định tại Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét nhu cầu thiết yếu của việc nuôi con, sự thống nhất của anh D tại phiên toà và đúng theo yêu cầu của chị L, buộc anh D cấp dưỡng cho 02 con chung mỗi cháu 1.000.000 đồng/01 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi mỗi cháu thành niên.

Anh D phải chịu lãi suất nếu chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Anh D không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không giải quyết. Trường hợp sau này các đương sự có yêu cầu giải quyết sẽ yêu cầu bằng vụ kiện khác.

[6] Về án phí: Anh D chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Võ Minh D được ly hôn với chị Châu Cẩm L.

2. Về con chung: Chị Châu Cẩm L nuôi con tên Võ Minh S và Võ Minh N đang ở với chị L.

Anh Võ Minh D có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con chung là Võ Minh S và Võ Minh N mỗi cháu 1.000.000 đồng/01 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi mỗi cháu thành niên.

Kể từ khi chị L có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Dương c thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng anh D còn phải chịu thêm phần lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Anh D có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của chị L.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch anh Võ Minh D phải chịu 600.000 đồng (án phí về hôn nhân 300.000 đồng và án phí về cấp dưỡng 300.000 đồng) anh D đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004927 ngày 27/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được khấu trừ, còn lại 300.000 đồng phải nộp tiếp.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND thị trấn Sông Đốc (Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Việt Xô